

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DU LỊCH HÀ NỘI

## MỤC LỤC



### THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Định hướng phát triển

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình tài chính nổi bật

Tổ chức nhân sự

Quan hệ Nhà đầu tư



### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGD

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Tình hình tài chính năm 2016

Kế hoạch kinh doanh 2017



### BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về tình hình kinh tế ngành

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động của HĐQT



### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Về nhân sự

Trách nhiệm với nhà đầu tư

Trách nhiệm với cộng đồng



### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính thuyết minh



# THÔNG TIN



**CHUNG**





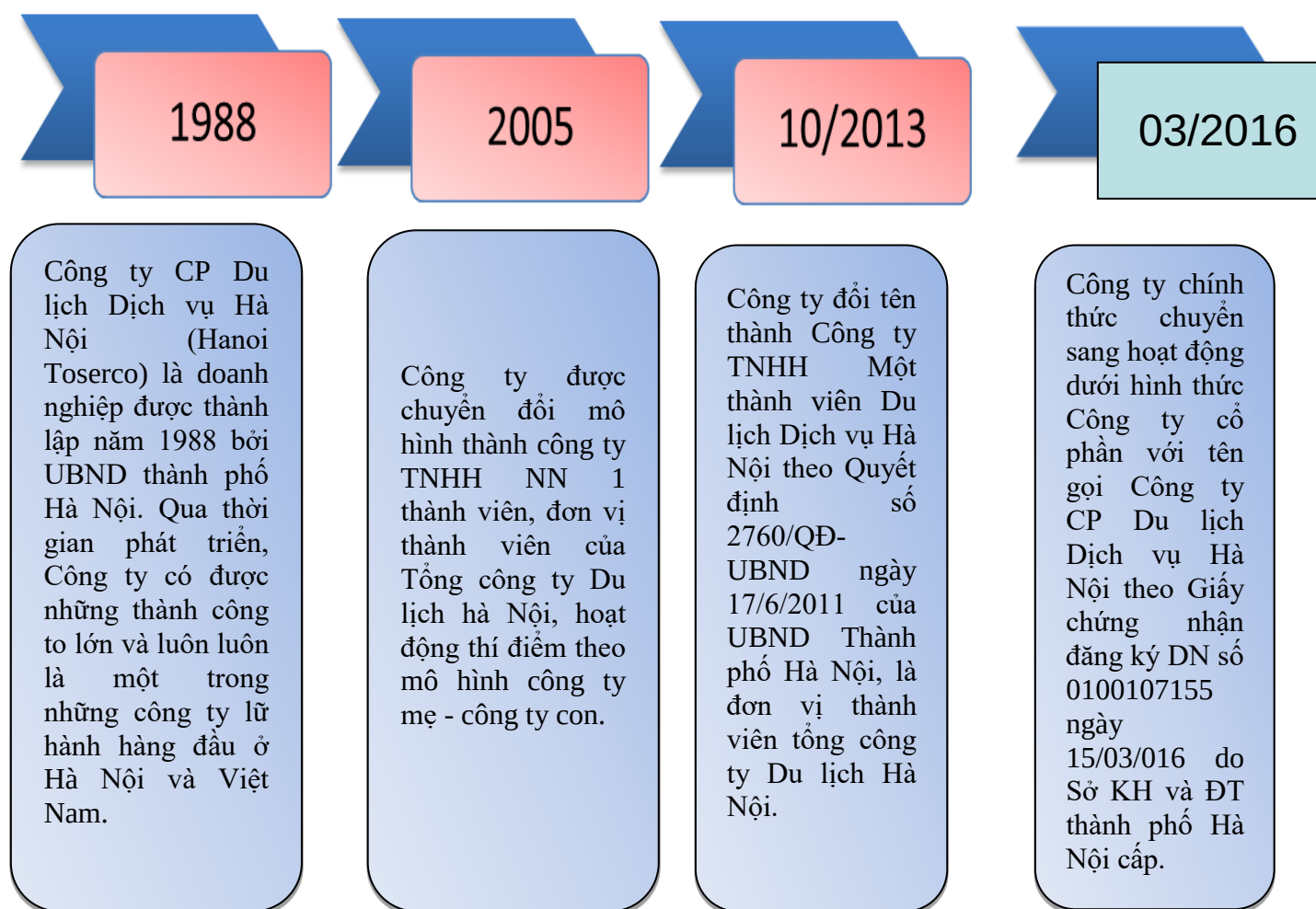
## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|                                             |                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên chính thức</b>                       | <b>Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà nội</b>                                                                                           |
| <b>Tên quốc tế</b>                          | Hanoi Tourist Service Joint Stock Company                                                                                               |
| <b>Tên giao dịch</b>                        | Hanoi Toserco                                                                                                                           |
| <b>Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế</b> | Số 0053 của Tổng cục Du lịch                                                                                                            |
| <b>Trụ sở chính</b>                         | Số 273 phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                            |
| <b>Vốn điều lệ</b>                          | 748.000.000.000 VND                                                                                                                     |
| <b>Điện thoại</b>                           | (84-4) 37262626/ ext: 217-219                                                                                                           |
| <b>Fax:</b>                                 | (84-4) 37262571                                                                                                                         |
| <b>E. mail</b>                              | <a href="mailto:info@tosercohanoi.com">info@tosercohanoi.com</a> / <a href="mailto:dingtu@tosercohanoi.com">dingtu@tosercohanoi.com</a> |
| <b>Website</b>                              | <a href="http://www.tosercohanoi.com">www.tosercohanoi.com</a>                                                                          |

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Điều hành tour du lịch<br>Chi tiết : Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển khách du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5  | Cơ sở lưu trú khác.<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể cho người lao động nước ngoài và các đối tượng khác, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều trại du lịch.</li> <li>- Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại</li> </ul> |
| 6  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 7  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng ( phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 8  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 9  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 10 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 11 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 12 | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 13 | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý ,môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài).                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 14 | Bán lẻ hàng may mặc giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết : Đại lý vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## ĐỊA BÀN KINH DOANH



Công ty hoạt động chủ yếu tại Hà Nội  
và Thành phố Hồ Chí Minh

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

---

Xây dựng Công ty thành một công ty mạnh ở Việt Nam về kinh doanh, dịch vụ du lịch; có phương pháp quản lý tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

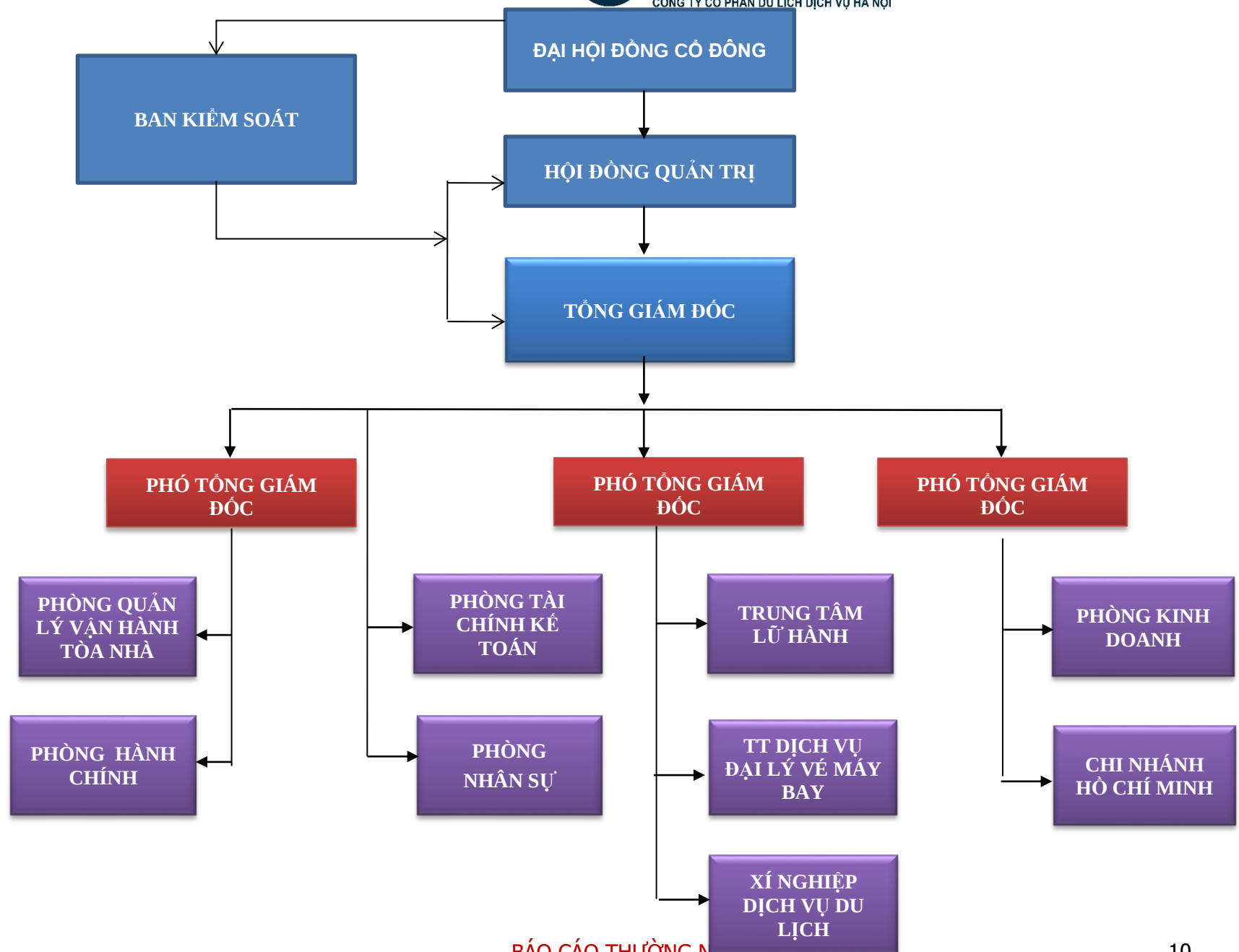
#### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển Công ty về mọi mặt nhằm nâng cao giá trị cổ phần, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Phần đầu tăng trưởng 8% - 15%. Đẩy mạnh đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp lại hệ thống kinh doanh dịch vụ. Mở rộng thêm một số lĩnh vực kinh doanh mới như hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để góp vốn liên doanh, cổ phần đầu tư phát triển SXKD với nguyên tắc có định hướng, có chọn lọc, hiệu quả đầu tư cao, phù hợp với năng lực và trình độ, cơ sở vật chất và tài chính của Công

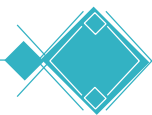
# SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

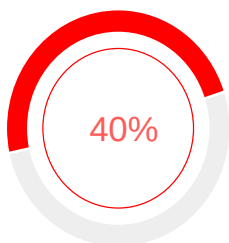


## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

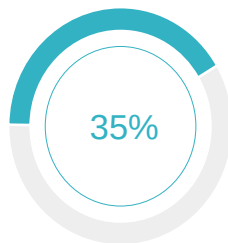
- Công ty không có công ty con
- Công ty liên doanh, liên kết:



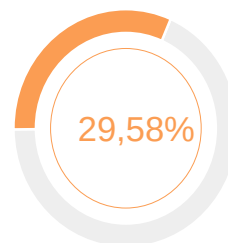
### CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



Công ty CP Du lịch  
và Thương mại Sao  
Phương Đông



Công ty TNHH  
Global Toserco



Công ty liên doanh  
khách sạn TNHH  
Hà Nội Hotel



Số 269 phố Kim Mã,  
quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Số 40 Cát Linh, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

D8 Giảng Võ, quận Ba Đình,  
TP.Hà Nội



84-4.39393690

84-4.37330808

84-4.38452270



[www.pullmanhotels.com](http://www.pullmanhotels.com)

[www.hanoihotel.com.vn](http://www.hanoihotel.com.vn)



[getcloser@pullman-hanoi.com](mailto:getcloser@pullman-hanoi.com)

[sales@hanoihotel.com.vn](mailto:sales@hanoihotel.com.vn)



Kinh doanh khách sạn, căn hộ,  
văn phòng cho thuê

Kinh doanh khách sạn, văn phòng cho  
thuê

Kinh doanh khách sạn, dịch vụ



# BÁO CÁO

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

Kết thúc năm tài chính 2016, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội từ ngày 15/03/2016 đến ngày 31/12/2016 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                            | ĐVT        | Từ 15/03/2016 đến 31/12/2016 |
|-------------------------------------|------------|------------------------------|
| <b>Tổng doanh thu. Trong đó:</b>    | Triệu đồng | 160,713                      |
| <i>Doanh thu dịch vụ</i>            | Triệu đồng | 142,830                      |
| <i>Doanh thu HĐTC</i>               | Triệu đồng | 17,451                       |
| <i>Doanh thu khác</i>               | Triệu đồng | 432                          |
| <b>Tổng chi phí</b>                 | Triệu đồng | 143,251                      |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>         | Triệu đồng | 17,462                       |
| <b>Thuế TNDN</b>                    | Triệu đồng | 3,197                        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>           | Triệu đồng | 14,265                       |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu</b>  | %          | 8,8                          |
| <b>Tỷ suất sinh lời/vốn góp CSH</b> | %          | 1,9                          |

Năm 2016 là năm đầu tiên công ty chuyển đổi mô hình công ty nhà nước sang mô hình công ty cổ phần nên không có số liệu năm trước để so sánh.

Tổng doanh thu hợp nhất của toàn công ty là 160.713 triệu đồng. Trong đó doanh thu dịch vụ chiếm 88,87%, tương đương 142.830 triệu đồng. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 10,86%, tương đương 17.451 triệu đồng. Thu nhập khác 0,27%, tương đương 432 triệu đồng.

Tổng chi phí trong năm là 143.251 triệu đồng, doanh thu dịch vụ là 142.830 triệu đồng. Nhìn vào báo cáo nhận thấy chi phí, vượt qua cả doanh thu dịch vụ. Nguyên nhân dẫn tới việc chi phí lớn hơn doanh thu không phải do việc quản lý không tốt, mà do công ty phải chịu thêm nhiều chi phí trong quá trình cổ phần hóa. Ảnh hưởng dẫn tới tăng chi phí là 9.915 triệu đồng. Cụ thể :

- Phân bổ lợi thế kinh doanh là 6.614 triệu đồng.

- Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/03/2014, các CCDC đã hết giá trị sử dụng được định giá lại bằng 20% nguyên giá. Giá trị định giá lại là 939 triệu đồng. Trong năm 2016 Công ty đã tiến hành phân bổ toàn bộ giá trị CCDC nêu trên vào chi phí.
- Do định giá lại TSCĐ, nên giá trị nguyên giá của TSCĐ tăng lên so với trước. Vì vậy công ty đã phải tiến hành tính lại khấu hao TSCĐ theo mức khác. Chi phí khấu hao TSCĐ so với các năm trước chênh lệch là 2.362 triệu.

Nếu không chịu ảnh hưởng của cổ phần hóa chi phí sẽ là 133.336 triệu đồng. Vậy tỷ suất chi phí trên doanh thu là 0.93. Nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu Công ty phải chi 93 đồng chi phí.

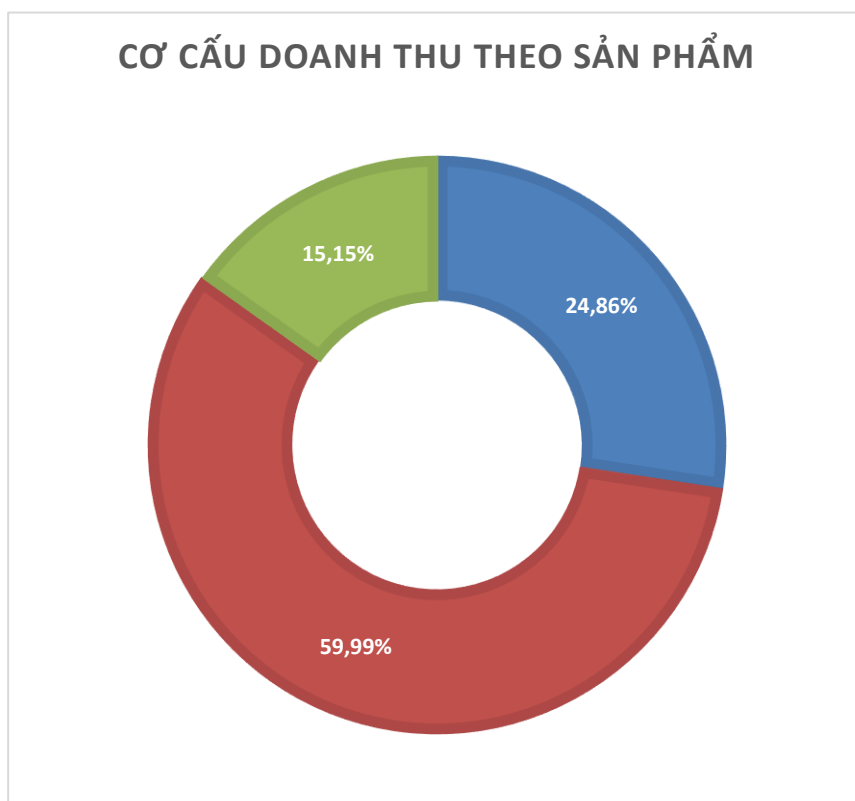
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 8,8%, vậy cứ 100 đồng doanh thu sẽ tạo ra 8,8 đồng lợi nhuận. Trong 9,5 tháng 2016 tỷ suất sinh lời trên vốn góp chủ sở hữu chỉ đạt 1,9%. Mức tỷ suất lợi nhuận thấp như vậy là do HĐQT của các Công ty liên doanh chưa có quyết định chia lợi nhuận.

Để đạt được kết quả tăng trưởng nêu trên Lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên đã cùng nhau đồng sức, đồng lòng tìm nhiều biện pháp để đưa công ty ngày càng phát triển mạnh.

## CƠ CẤU DOANH THU DỊCH VỤ

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                            | Từ 15/03/2016 – 31/12/2016 | Tỷ trọng (%) |
|-------------------------------------|----------------------------|--------------|
| Doanh thu dịch vụ du lịch           | 85,689                     | 59.99%       |
| Doanh thu cho thuê văn phòng        | 35,507                     | 24.86%       |
| Doanh thu dịch vụ đại lý vé máy bay | 21,633                     | 15.15%       |
| <b>Tổng doanh thu</b>               | <b>142,830</b>             | <b>100%</b>  |

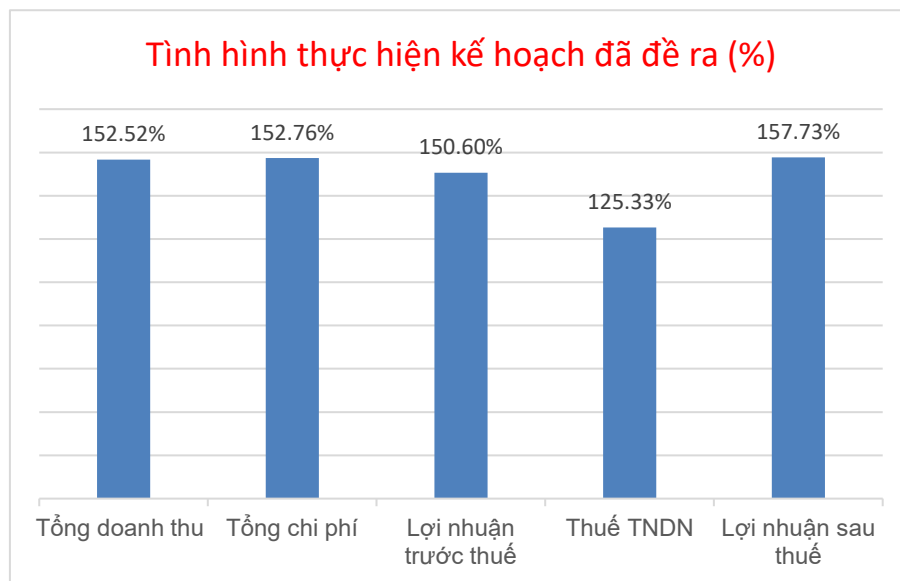


- Doanh thu cho thuê văn phòng
- Doanh thu dịch vụ du lịch
- Doanh thu dịch vụ đại lý vé máy bay

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                                      | ĐVT        | KH 2016<br>– 9,5<br>tháng | TH 2016 -<br>9.5 tháng | TH 2016/<br>KH 2016 |
|---------------------------------------------------------------|------------|---------------------------|------------------------|---------------------|
| <b>Tổng doanh thu (không bao gồm LN Liên doanh, liên kết)</b> | Triệu đồng | 105,371                   | 160,713                | 152.52%             |
| <b>Tổng chi phí</b>                                           | Triệu đồng | 93,776                    | 143,251                | 152.76%             |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                   | Triệu đồng | 11,595                    | 17,462                 | 150.60%             |
| <b>Thuế TNDN</b>                                              | Triệu đồng | 2,551                     | 3,197                  | 125.33%             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                     | Triệu đồng | 9,044                     | 14,265                 | 157.73%             |





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Ông Nguyễn Minh Chung                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bà Nguyễn Thị Nga                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ông Lê Minh Thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chủ tịch HĐQT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phó Chủ tịch HĐQT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phó Chủ tịch HĐQT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1962</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Luật, Cử nhân Kế toán.</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước chiếm 28% vốn điều lệ</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Du lịch Hà Nội</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1955</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn BRG; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Intimex Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đông Nam Á; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát.</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1984</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Chủ tịch HĐQT Leadvisors Capital Management; Thành viên Hội đồng sáng lập Vietnam Startup Foundation (NPO); Chủ tịch HĐQT Công ty CP 184 Hà Nội.</p> |

BAN KIỂM SOÁT

| Ông Trần Xuân Sơn                                                                                                                                                                                                                                             | Bà Nguyễn Hồng Diệu                                                                                                                                                                                                                                   | Bà Đào Thị Hiền                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trưởng Ban Kiểm soát                                                                                                                                                                                                                                          | Thành viên Ban Kiểm soát                                                                                                                                                                                                                              | Thành viên Ban Kiểm soát                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1975</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 1300 cổ phần, chiếm 0,0017% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1983</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1987</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> |

| Bà Lê Thanh Hà                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ông Trần Ngọc Tiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn T. Thu Hằng                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bà Trần T. Hồng Phương                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thành viên HĐQT                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thành viên HĐQT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thành viên HĐQT                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thành viên HĐQT                                                                                                                                                                                                                                       |
| <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1969</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Kinh tế Du lịch, Cử nhân Luật</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Phó phòng Đầu tư phát triển – TCT Du lịch Hà Nội</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1960</p> <p><i>Trình độ chuyên môn :</i> Cử nhân kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước chiếm 17,19% Vốn điều lệ; sở hữu cá nhân: 4200 cổ phiếu, chiếm 0,0056% Vốn điều lệ</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1971</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Ngoại ngữ</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :</i> Phó Tổng giám đốc - Công ty CP Tập đoàn BRG</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1977</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Thạc sỹ Kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> |

## BAN GIÁM ĐỐC

| Bà Nguyễn Thị Phương Mai                                                                                                                                                                                                                                        | Bà Mai Thị Thu Hà                                                                                                                                                                                                                                             | Ông Trịnh Minh Tú                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng Giám đốc                                                                                                                                                                                                                                                   | Phó Tổng Giám đốc                                                                                                                                                                                                                                             | Phó Giám Đốc                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1962</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Ngoại ngữ</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 2700 cổ phần, chiếm 0,0036% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1962</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân kinh tế</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 2900 cổ phần, chiếm 0,0038% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> | <p><i>Quốc tịch:</i> Việt Nam</p> <p><i>Năm sinh:</i> 1970</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i> Cử nhân Quản trị Kinh doanh</p> <p><i>Số lượng cổ phần nắm giữ:</i> 1900 cổ phần, chiếm 0,0025% vốn điều lệ.</p> <p><i>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i> Không</p> |

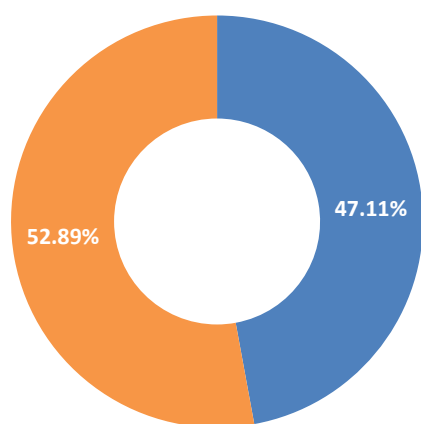
## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2016, Công ty không có thay đổi trong Ban Điều hành

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN:

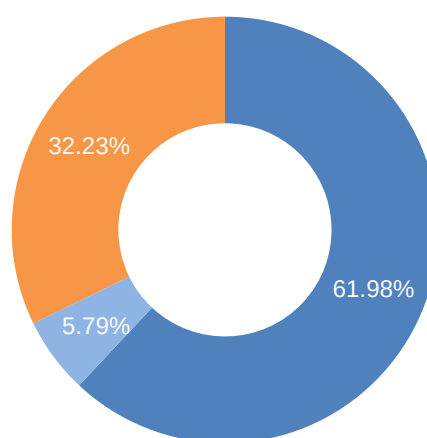
| Tiêu chí                                   | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|--------------------------------------------|------------------|--------------|
| <b>Theo trình độ lao động</b>              |                  |              |
| Trình độ Đại học và trên Đại học           | 75               | 61,98        |
| Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 7                | 5,79         |
| Lao động phổ thông                         | 39               | 32,23        |
| <b>Theo đối tượng lao động</b>             |                  |              |
| Lao động trực tiếp                         | 74               | 61,16        |
| Lao động gián tiếp                         | 47               | 38,84        |
| <b>Theo giới tính</b>                      |                  |              |
| Nam                                        | 57               | 47,11        |
| Nữ                                         | 64               | 52,89        |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>121</b>       | <b>100</b>   |

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH



■ Nam ■ Nữ

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



■ Trình độ Đại học và trên Đại học  
■ Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp  
■ Lao động phổ thông



## CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Công ty thực hiện chế độ làm việc, nghỉ thai sản... theo quy định của Bộ Luật Lao động.

### LƯƠNG THƯỞNG, PHÚC LỢI

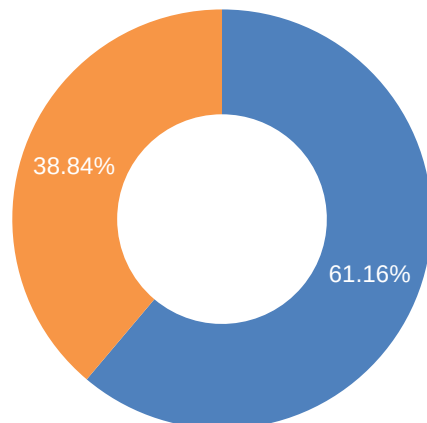
Công ty xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí, kỹ năng, trình độ chuyên môn của từng cá nhân trong Công ty; Cán bộ nhân viên được đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định; khám sức khỏe định kỳ

### ĐÀO TẠO, TUYỂN DỤNG

Công ty luôn chú trọng phát triển, đào tạo cán bộ nhân viên, cử tham gia các khóa học để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm cho nhân viên

P

### CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG

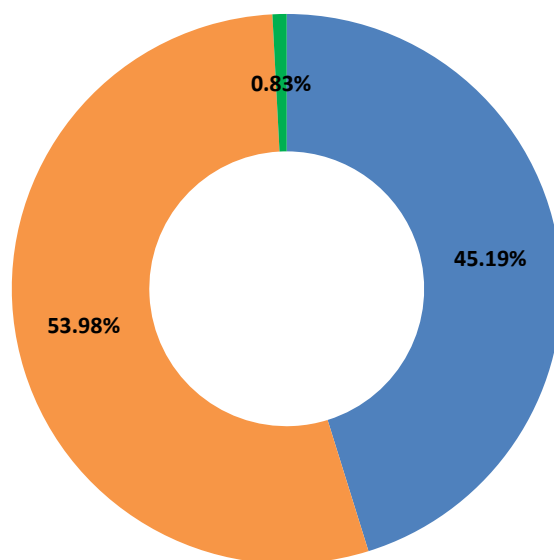


■ Lao động trực tiếp ■ Lao động gián tiếp

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Đối tượng                                                | Số lượng Cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL |
|-----|----------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| 1   | <b>Cổ đông Nhà nước</b>                                  | 33,803,000        | 45.19            |
| 2   | <b>Cổ đông lớn (sở hữu <math>\geq 5\%</math> vốn CP)</b> |                   |                  |
|     | - Trong nước                                             | 40,375,800        | 53.98            |
|     | - Nước ngoài                                             |                   |                  |
| 3   | <b>Cổ đông khác</b>                                      |                   |                  |
|     | - Trong nước                                             | 621,200           | 0.83             |
|     | - Nước ngoài                                             |                   |                  |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                         | 74,800,000        | 100              |

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

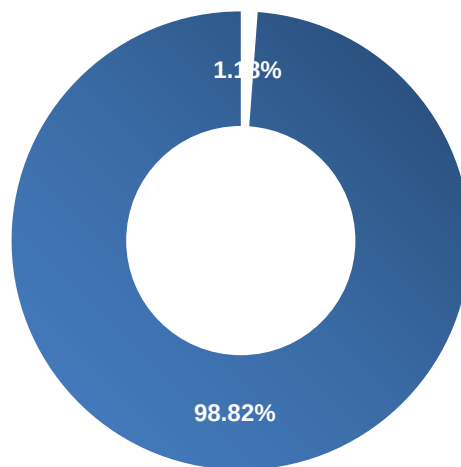


■ Cổ đông Nhà nước   ■ Cổ đông lớn (trong nước)   ■ Cổ đông khác

## BẢNG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU

| STT      | Đối tượng                 | Số lượng cổ đông | Tỷ lệ (%)  |
|----------|---------------------------|------------------|------------|
| <b>1</b> | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>170</b>       | <b>100</b> |
|          | - Tổ chức                 | 2                | 71.93      |
|          | - Cá nhân                 | 168              | 28.07      |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>   |
|          | - Tổ chức                 | 0                | 0          |
|          | - Cá nhân                 | 0                | 0          |

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU



Tổ Chức ■ Cá nhân

## Thông tin cổ phiếu

## Khả năng sinh lời

|                                  |                             |
|----------------------------------|-----------------------------|
| <b>Vốn điều lệ</b>               | <b>748.000.000.000 đồng</b> |
| <b>Số lượng cổ phần</b>          | 74.800.000 cổ phần          |
| <b>Mệnh giá cổ phiếu</b>         | 10.000 đồng                 |
| <b>Số cổ phiếu ưu đãi</b>        | 0 cổ phiếu                  |
| <b>Số cổ phiếu phổ thông</b>     | 74.800.000 cổ phiếu         |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> | 74.800.000 cổ phiếu         |

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu trong năm

Năm 2016 là năm đầu tiên công ty chuyển đổi mô hình công ty nhà nước sang mô hình công ty cổ phần, trong năm, công ty không có thay đổi về vốn điều lệ.

# BÁO CÁO

# BAN GIÁM ĐỐC



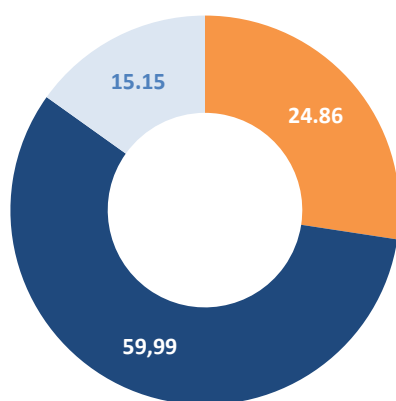
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

| Chỉ tiêu             | ĐVT        | Kế hoạch | Thực hiện<br>từ<br>15/03/2016<br>đến<br>31/12/2016 | Chênh<br>lệch | % thực<br>hiện/Kế<br>hoạch |
|----------------------|------------|----------|----------------------------------------------------|---------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần      | triệu đồng | 98,167   | 142,830                                            | 44,663        | 145.50%                    |
| Giá vốn hàng bán     | triệu đồng | 63,549   | 115,692                                            | 52,143        | 182.05%                    |
| Lợi nhuận gộp        | triệu đồng | 34,617   | 27,138                                             | (7,479)       | 78.40%                     |
| Chi phí bán hàng     | triệu đồng | 25,643   | 15,681                                             | (9,962)       | 61.15%                     |
| Chi phí quản lý      | triệu đồng | 4,030    | 11,841                                             | 7,811         | 293.82%                    |
| Lợi nhuận KD         | triệu đồng | 4,945    | (384)                                              | (5,329)       | -7.77%                     |
| Lãi tài chính        | triệu đồng | 6,333    | 17,451                                             | 11,118        | 275.56%                    |
| Lợi nhuận khác       | triệu đồng | 317      | 395                                                | 78            | 124.61%                    |
| Lợi nhuận trước thuế | triệu đồng | 11,595   | 17,462                                             | 5,867         | 150.60%                    |
| Lợi nhuận sau thuế   | triệu đồng | 9,044    | 14,265                                             | 5,221         | 157.73%                    |

## CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM

| Chỉ tiêu                            | Từ 15/03/2016<br>đến 31/12/2016 | Tỷ lệ (%)   |
|-------------------------------------|---------------------------------|-------------|
| Doanh thu cho thuê văn phòng        | 35.507                          | 24,86%      |
| Doanh thu dịch vụ du lịch           | 85.689                          | 59,99%      |
| Doanh thu dịch vụ đại lý vé máy bay | 21.633                          | 15,15%      |
| <b>Tổng doanh thu</b>               | <b>142.830</b>                  | <b>100%</b> |

## CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM



- Doanh thu cho thuê văn phòng
- Doanh thu dịch vụ du lịch
- Doanh thu dịch vụ đại lý vé máy bay



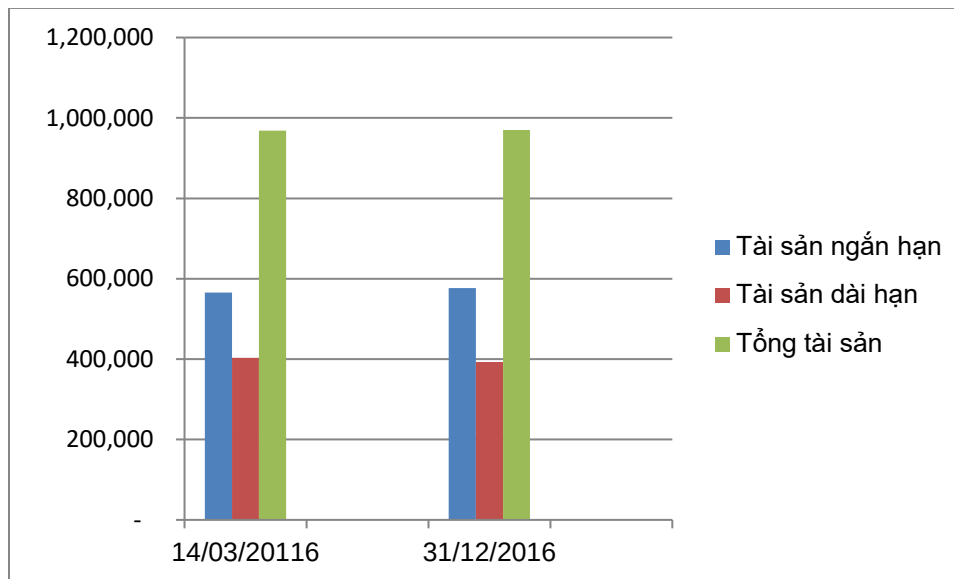
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

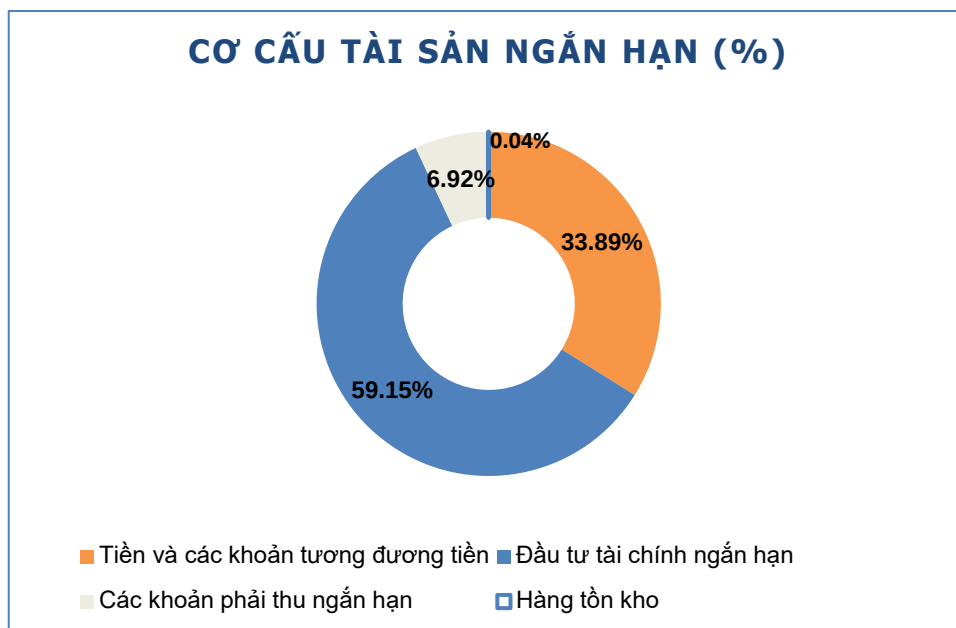
DVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                | 15/03/2016     |              | 31/12/2016     |              | % Tăng/Giảm |
|-------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------|
|                         | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) |             |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b> | 565,171        | 58.37%       | 577,000        | 59.49%       | 2,09%       |
| <b>Tài sản dài hạn</b>  | 403,036        | 41.63%       | 392,944        | 40.51%       | -2,50%      |
| <b>Tổng tài sản</b>     | <b>968,207</b> | 100%         | <b>969,944</b> | 100%         | 0,18%       |

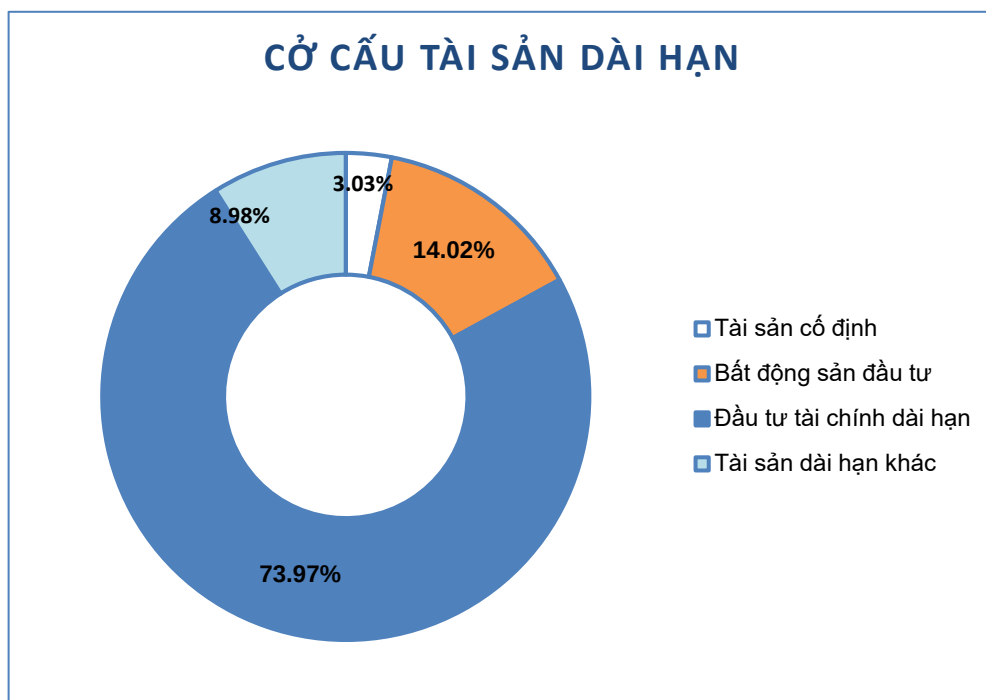
Tổng tài sản tại 31/12/2016 tăng 0,18% so với tại thời điểm 15/03/2016. Trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 59,49% và tài sản dài hạn chiếm 40,51%.



## Tài sản ngắn hạn



## Tài sản dài hạn

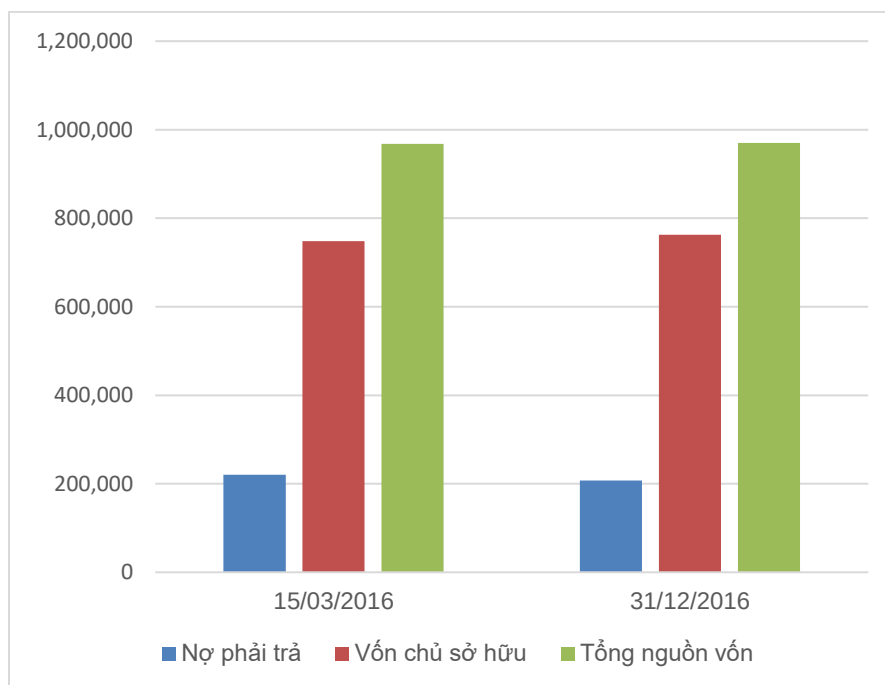


### Tình hình nguồn vốn

ĐVT: triệu đồng

|                       | 14/03/2016     |              | 31/12/2016     |              | % Tăng/Giảm |
|-----------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------|
|                       | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) |             |
| <b>Nợ phải trả</b>    | 220,207        | 22,74%       | 207,679        | 21,41%       | -5,68%      |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b> | 748,000        | 77,26%       | 762.265        | 78,59%       | 1,90%       |
| <b>Tổng tài sản</b>   | <b>968,207</b> | 100%         | <b>969,944</b> | 100%         | 0,18%       |

Tổng nguồn vốn tại 31/12/2016 tăng 0,18% so với tại thời điểm 15/03/2016. Trong đó nợ phải trả giảm 5,68% ; vốn chủ sở hữu tăng 1,9%.



### *Tình hình nợ phải trả*

| Chỉ tiêu                | 14/03/2016 |              | 31/12/2016 |              | % Tăng/Giảm |
|-------------------------|------------|--------------|------------|--------------|-------------|
|                         | Giá trị    | Tỷ trọng (%) | Giá trị    | Tỷ trọng (%) |             |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>      | 220.207    | 100%         | 207.679    | 100%         | 94.31%      |
| <b>Nợ dài hạn</b>       | -          |              | -          |              |             |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | 220.207    | 100%         | 207.679    | 100%         | 94.31%      |

Công ty chỉ có nợ ngắn hạn trong tổng nợ phải trả, thời điểm 31/12/2016 nợ phải trả giảm 5,69% so với thời điểm 14/03/2016.

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

Các chỉ tiêu kế hoạch 2017

ĐVT : Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Kế hoạch 2017 |
|-----------------------------|-------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>      | Tỷ đồng     | 154,7         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | Tỷ đồng     | 82,7          |
| <b>Thuế TNDN</b>            | Tỷ đồng     | 2,9           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | Tỷ đồng     | 79,7          |

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## **ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH**

Kinh tế Việt Nam đang trên đà hồi phục khi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) tăng mạnh, tác động tích cực lên nhu cầu văn phòng cho thuê. Thị trường được dự đoán sẽ vẫn tiếp tục ổn định trong thời gian tới. Năm 2016 kinh tế Việt Nam phục hồi tăng trưởng tốt, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21%. Trong đó quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56%, quý IV tăng 6,68%. Năm 2016 lạm phát được kiểm soát, môi trường kinh doanh có sự cải thiện, hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh.

Theo báo cáo của Tổng Cục Du lịch Việt Nam, năm 2016, du lịch Việt Nam lần đầu tiên đã đón được hơn 10 triệu khách quốc tế, tăng 25,4% so với năm 2015; phục vụ 62 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 400.000 tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2015. .

Đối với công ty cổ phần du lịch dịch vụ Toserco, năm 2016 là năm bản lề trong quá trình phát triển. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với một khối lượng công việc rất lớn cần thực hiện trong quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên với sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo để phù hợp với môi trường làm việc mới, cách thức làm việc mới, năm 2016 cũng là một năm có hoạt động kinh doanh thành công của công ty.

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Về đầu tư tài chính

Công ty đầu tư vào Cty Liên doanh khách sạn Hà Nội Hotel với tỷ lệ 29,58%, tỷ lệ phân chia lợi ích là 50%.

Đầu tư vào Công ty TNHH Global Toserco là 35%. tỷ lệ phân chia lợi ích là 35%

Đầu tư vào Công ty CP du lịch và Thương mại Sao Phương Đông với tỷ lệ 40%. Công ty đang trong quá trình xây dựng nên không có lãi.

Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Hanoitourist Taxi với tỷ lệ 5,2%.

### 2. Về quản lý và khai thác tài sản

Tính đến 31/12/2016 tỷ lệ cho thuê văn phòng của toàn công ty phủ tới 98%.

Giá trung bình cho thuê văn phòng trong năm 2016 của 273 Kim Mã khoảng 410.000đ/m<sup>2</sup> và số 2 Núi Trúc khoảng 280.000đ/m<sup>2</sup> (bao gồm thuế GTGT).

### 3. Về tổ chức:

Tổng số lao động toàn Công ty đến tháng 12/2016 là 121 người. Trong năm, số lao động giảm 5 người, số lao động tăng là 1 người.

Công ty triển khai việc sắp xếp tổ chức lại mô hình tổ chức, cụ thể :

- + Sáp nhập Trung tâm nhà và dịch vụ về Văn phòng Công ty;
- + Tách phòng Tổ chức hành chính thành 2 phòng : Phòng hành chính và Phòng nhân sự;
- + Cơ cấu lại Phòng Đầu tư thẩm định thành Phòng Kinh doanh và Phòng Quản lý vận hành tòa nhà.

Đến 31/12/2016, toàn Công ty có 01 Xí nghiệp trực thuộc, 01 chi nhánh, 02 trung tâm dịch vụ và 5 phòng nghiệp vụ.

Năm 2016 công ty đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành Quy chế lương.

Tăng cường đào tạo cập nhật kiến thức về kinh doanh, nhân sự, lao động tiền lương để nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kì và bất thường cũng như ra các nghị quyết để xem xét, đánh giá, đưa ra các chủ trương lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Bổ nhiệm bà Mai Thị Thu Hà và ông Trịnh Minh Tú làm Phó Tổng Giám đốc công ty;
- Ban hành Quy chế "Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trong Công ty Du lịch



Dịch vụ Hà Nội.

- Để việc điều hành các công ty liên doanh, liên kết được hiệu quả, HĐQT đã thống nhất cử đại diện bổ sung, thay thế tại các Công ty Liên doanh khách sạn Hà Nội, Công ty TNHH Global Toserco, Công ty CP Sao Phương Đông.

- Thông qua kiến nghị của các cổ đông về việc Nhà nước chịu thuế đối với khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị phần vốn nhà nước khi xác định giá trị cổ phần hóa.

- Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông công ty, Hội đồng quản trị công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2016 đến 14/03/2016 và giai đoạn từ 15/03/2016 đến 31/12/2016.

- Chọn Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội làm dịch vụ tư vấn địa chính cho Công ty.

- Phê duyệt nộp lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách NN năm 2015 của Cty TNHH MTV Du lịch dịch vụ Hà Nội.

## **2. Kết quả giám sát Ban điều hành:**

Hội đồng quản trị đã thường xuyên thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành qua các nghị quyết, các cuộc họp định kỳ, bất thường và các buổi làm việc trực tiếp với các đơn vị trong Công ty.

Ban điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Năm 2016 Ban điều hành đã rất cố gắng, tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Đánh giá hoạt động của HĐQT

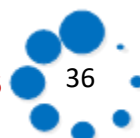
Các hoạt động của HĐQT năm 2016 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì. Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của Trưởng ban kiểm soát.

Việc tổ chức điều hành chiến lược phát triển SXKD của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã đề ra. Hội đồng quản trị chỉ đạo kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp về thị trường, triển khai thực hiện đảm bảo tính nguyên tắc và hiệu quả.

### Đánh giá hoạt động Ban điều hành Công ty

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty.

Ban tổng giám đốc đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2016 Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp với các nội dung như sau :

- Phân công công việc và phương hướng hoạt động của BKS.
- Đánh giá tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và thông qua báo cáo đánh giá 6 tháng đầu năm 2016 của Ban Kiểm soát gửi Hội đồng quản trị.
- Đánh giá tình hình kinh doanh 9 tháng và thông qua bản dự thảo xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

### Các công việc đã thực hiện trong năm 2016

Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.

Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện và kế hoạch của Công ty năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của các đơn vị trong Công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.

Giám sát việc xây dựng Quy chế, Quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.

Năm 2016 lựa chọn Công ty Kiểm toán là *Công ty TNHH Deloitte Việt Nam*.

Thẩm định báo cáo Tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cử Trưởng Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Tham gia Hội nghị người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

### Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc:

- HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, đôn đốc và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- HĐQT thường xuyên kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của công ty.

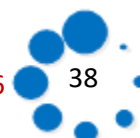
## **GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ**

**Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGĐ và BKS năm giai đoạn 15/03/2016 đến 31/12/2016**

| <b>Nội dung</b>                                   | <b>Giai đoạn<br/>15/03/2016 đến<br/>31/12/2016</b> | <b>Ghi chú</b>                                     |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>Thù lao HĐQT, BKS</b>                          | 950.000.000                                        | ĐHĐCĐ lần 1 phê duyệt (năm 2016 là 1.200.000.000đ) |
| <b>Lương BTGD (TGĐ, PTGD, GD Tài chính, KTT )</b> | 1.873.349.171                                      | Kể từ khi Cty CP hoạt động (15/3/2016)             |

### ***Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan***

Không có Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN





# BỀN VỮNG





## TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chặng đường phát triển trong suốt thời gian vừa qua của Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội không thể không nói đến vai trò tối quan trọng của nguồn lực toàn công ty. Ban lãnh đạo, đặc biệt là Hội đồng quản trị, Ban điều hành rất quan tâm, trú trọng đến CBCNV - người lao động. Ngoài việc chăm lo giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, lãnh đạo công ty còn đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ, thu hút nhân tài, có trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.

Cụ thể, trong năm 2016, Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội đã thực hiện các công tác, chế độ chính sách cho người lao động như:

- Đảm bảo thanh toán đầy đủ tiền lương, trích nộp BHXH, BHYT đúng, đủ, kịp thời; Thực hiện chế độ thai sản, nghỉ dưỡng sức đầy đủ.
- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Người lao động được thưởng hàng năm, thưởng trong dịp lễ tết, ngày thành lập Công ty và thưởng thành tích đột xuất trong lao động sản xuất.
- Nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, hàng năm Công ty luôn tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao nhân dịp các ngày lễ lớn của Công ty nói riêng và của cả dân tộc nói chung.
- Hàng năm người lao động được Công ty bố trí đi thăm quan, nghỉ mát, bồi dưỡng sức khỏe trong và ngoài nước.
- Thiết kế các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn cũng như kỹ năng mềm cho cán bộ nhân viên.





## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh, có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình...tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Hà Nội đã làm được.

Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Hàng năm, công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống...cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.



*Hoạt động Hiến máu tình nguyện vì cộng đồng*



*Đoàn thanh niên tặng quà gia đình có con em đang là chiến sỹ tại Trường Sa*



*Trao vật phẩm từ thiện cho các trẻ em nghèo tại Sa Pa – Lào Cai*



## TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục "Quan hệ cổ đông" trên website của Công ty.

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với cổ đông của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm tới Công ty.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                      | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC        | 1 - 2        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 3 - 4        |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 5 - 6        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 8            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 9 - 25       |



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Từ ngày 15 tháng 3 năm 2016, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 3 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0100107155.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                         |              |
|-------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Minh Chung   | Chủ tịch     |
| Bà Nguyễn Thị Nga       | Phó Chủ tịch |
| Ông Lê Minh Thành       | Phó Chủ tịch |
| Ông Trần Ngọc Tiến      | Thành viên   |
| Bà Lê Thanh Hà          | Thành viên   |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  | Thành viên   |
| Bà Trần Thị Hồng Phương | Thành viên   |

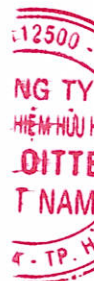
#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Thị Phương Mai | Tổng Giám đốc     |
| Bà Mai Thị Thu Hà        | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trịnh Minh Tú        | Phó Tổng Giám đốc |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Thị Phương Mai**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017*





Số: 907 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### ***Các vấn đề nhấn mạnh***

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi chính thức chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Công ty chưa có phê duyệt cuối cùng về quyết toán cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền.

Như trình bày tại Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh là số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 14 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Dịch vụ Hà Nội (đơn vị được cổ phần hóa), trong đó, một số số liệu được điều chỉnh theo Kết luận của Thanh tra thuế của Cục Thuế Hà Nội. Các số liệu này được trình bày cho mục đích cung cấp thêm thông tin bổ sung, chỉ mang tính chất tham khảo và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

***Thay mặt và đại diện cho***

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 30 tháng 3 năm 2017*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Đỗ Trung Kiên**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016             | 14/3/2016              |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>576.999.901.720</b> | <b>565.171.130.297</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>195.522.949.466</b> | <b>456.983.437.275</b> |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 161.522.949.466        | 179.183.437.275        |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 34.000.000.000         | 277.800.000.000        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>341.300.000.000</b> | <b>17.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | 6           | 341.300.000.000        | 17.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>39.932.140.041</b>  | <b>89.850.656.774</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 7           | 17.257.736.917         | 15.952.272.871         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | -                      | 82.937.063             |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 22.674.403.124         | 73.815.446.840         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> |             | <b>244.812.213</b>     | <b>249.364.195</b>     |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 244.812.213            | 249.364.195            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>-</b>               | <b>1.087.672.053</b>   |
| 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 13          | -                      | 1.087.672.053          |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>392.944.598.354</b> | <b>403.036.027.782</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>-</b>               | <b>803.427.618</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 8           | -                      | 803.427.618            |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>11.919.281.945</b>  | <b>71.335.967.876</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 9           | 11.919.281.945         | 71.335.967.876         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 27.064.695.677         | 99.963.637.538         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (15.145.413.732)       | (28.627.669.662)       |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> | <b>10</b>   | <b>55.078.282.695</b>  | <b>-</b>               |
| - Nguyên giá                                 | 231        |             | 72.837.123.679         | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 232        |             | (17.758.840.984)       | -                      |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>250</b> |             | <b>290.646.705.597</b> | <b>287.646.705.597</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        | 6           | 285.774.104.867        | 285.774.104.867        |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        | 6           | 1.872.600.730          | 1.872.600.730          |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 255        | 6           | 3.000.000.000          | -                      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>35.300.328.117</b>  | <b>43.249.926.691</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 11          | 35.300.328.117         | 43.249.926.691         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |             | <b>969.944.500.074</b> | <b>968.207.158.079</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016             | 14/3/2016              |
|--------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                            |            |             |                        |                        |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                      | <b>300</b> |             | <b>207.679.174.329</b> | <b>220.207.158.079</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                      | <b>310</b> |             | <b>207.679.174.329</b> | <b>220.207.158.079</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn             | 311        | 12          | 2.216.584.894          | 2.999.805.287          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn       | 312        |             | 1.771.582.362          | 2.489.832.027          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước     | 313        | 13          | 1.243.706.870          | 962.923.256            |
| 4. Phải trả người lao động                 | 314        |             | 5.881.383.583          | 2.267.475.203          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn               | 315        | 14          | 19.534.798.390         | 23.516.277.815         |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn       | 318        | 15          | 2.930.332.881          | 4.057.576.717          |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                  | 319        | 16          | 173.803.662.342        | 181.654.101.249        |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi               | 322        |             | 297.123.007            | 2.259.166.525          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                   | <b>400</b> |             | <b>762.265.325.745</b> | <b>748.000.000.000</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                   | <b>410</b> | <b>17</b>   | <b>762.265.325.745</b> | <b>748.000.000.000</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                  | 411        |             | 748.000.000.000        | 748.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết   | 411a       |             | 748.000.000.000        | 748.000.000.000        |
| 2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản         | 416        |             | -                      | -                      |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                   | 418        |             | -                      | -                      |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối       | 421        |             | 14.265.325.745         | -                      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b       |             | 14.265.325.745         | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>   | <b>440</b> |             | <b>969.944.500.074</b> | <b>968.207.158.079</b> |

**Trương Thị Phương**  
Người lập biểu

**Vũ Thị Bình**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Phương Mai**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                               | Mã số | Thuyết minh | Từ ngày 15/3/2016<br>đến ngày 31/12/2016 | Từ ngày 01/01/2016<br>đến ngày 14/3/2016 |
|------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Doanh thu cung cấp dịch vụ                                          | 01    | 19          | 142.830.155.088                          | 24.039.735.407                           |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                        | 02    |             | -                                        | -                                        |
| 3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ<br>(10=01-02)                   | 10    |             | 142.830.155.088                          | 24.039.735.407                           |
| 4. Giá vốn dịch vụ cung cấp                                            | 11    | 20          | 115.691.703.449                          | 13.498.996.574                           |
| 5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ<br>(20=10-11)                     | 20    |             | 27.138.451.639                           | 10.540.738.833                           |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                       | 21    | 22          | 17.451.360.204                           | 72.586.588.218                           |
| 7. Chi phí tài chính                                                   | 22    | 23          | 585.211                                  | 19.556.786.986                           |
| 8. Chi phí bán hàng                                                    | 25    | 24          | 15.680.975.559                           | 6.102.660.798                            |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                        | 26    | 24          | 11.840.841.526                           | 841.068.454                              |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br>(30=20+(21-22)-(25+26)) | 30    |             | 17.067.409.547                           | 56.626.810.813                           |
| 11. Thu nhập khác                                                      | 31    |             | 432.051.037                              | 82.830.000                               |
| 12. Chi phí khác                                                       | 32    |             | 36.892.288                               | 126.720.920                              |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                          | 40    |             | 395.158.749                              | (43.890.920)                             |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế<br>(50=30+40)                    | 50    |             | 17.462.568.296                           | 56.582.919.893                           |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                       | 51    | 25          | 3.197.242.551                            | (1.563.506.114)                          |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp<br>(60=50-51)             | 60    |             | 14.265.325.745                           | 58.146.426.007                           |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                           | 70    | 26          | 191                                      | -                                        |

  
Trương Thị Phương  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Phương Mai  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                  | Mã số     | Từ ngày 15/3/2016<br>đến ngày 31/12/2016 | Từ ngày 01/01/2016<br>đến ngày 14/3/2016 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                         |           |                                          |                                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                            | <b>01</b> | <b>17.462.568.296</b>                    | <b>56.582.919.893</b>                    |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                                       |           |                                          |                                          |
| Khấu hao tài sản cố định                                                                  | 02        | 4.338.403.236                            | 536.222.645                              |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | (1.770.956.779)                          | 750.811.743                              |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư                                                                 | 05        | (15.642.712.764)                         | (72.518.158.318)                         |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                   | <b>08</b> | <b>4.387.301.989</b>                     | <b>(14.648.204.037)</b>                  |
| Thay đổi các khoản phải thu                                                               | 09        | 4.127.097.761                            | 4.679.565.656                            |
| Thay đổi hàng tồn kho                                                                     | 10        | 4.551.982                                | 4.307.559                                |
| Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)           | 11        | (6.694.533.954)                          | 11.724.328.382                           |
| Thay đổi chi phí trả trước                                                                | 12        | 7.949.598.574                            | 104.097.739                              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                         | 15        | (1.205.711.182)                          | (1.600.000.000)                          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      | <b>20</b> | <b>8.568.305.170</b>                     | <b>264.095.299</b>                       |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                            |           |                                          |                                          |
| 1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                       | 23        | (327.300.000.000)                        | (800.000.000)                            |
| 2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia                                   | 27        | 63.325.012.963                           | 67.019.970                               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                          | <b>30</b> | <b>(263.974.987.037)</b>                 | <b>(732.980.030)</b>                     |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                        |           |                                          |                                          |
| 1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                        | 36        | (7.826.266.821)                          | -                                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                       | <b>40</b> | <b>(7.826.266.821)</b>                   | <b>-</b>                                 |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>                                       | <b>50</b> | <b>(263.232.948.688)</b>                 | <b>(468.884.731)</b>                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                                                    | <b>60</b> | <b>456.983.437.275</b>                   | <b>458.203.133.749</b>                   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                   | 61        | 1.772.460.879                            | (750.811.743)                            |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>                                     | <b>70</b> | <b>195.522.949.466</b>                   | <b>456.983.437.275</b>                   |

  
**Trương Thị Phương**  
Người lập biểu

  
**Vũ Thị Bình**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Thị Phương Mai**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000248 ngày 20 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với vốn điều lệ là 748.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 121 (ngày 15 tháng 3 năm 2016: 125).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa; kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar); hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm); dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền); kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước; kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp; lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ; các loại dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe); tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; may đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh du lịch, dịch vụ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

| <b>STT</b> | <b>Tên đơn vị</b>                           | <b>Địa chỉ</b>                                   | <b>Hoạt động kinh doanh chính</b>  |
|------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1          | Trung tâm Lữ hành                           | Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội                   | Dịch vụ du lịch                    |
| 2          | Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh | Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Dịch vụ du lịch                    |
| 3          | Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch                   | Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội              | Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác |
| 4          | Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay        | Số 102 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội             | Đại lý vé máy bay                  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

| <b>STT</b>                | <b>Tên đơn vị</b>                                     | <b>Địa chỉ</b>                           | <b>Hoạt động kinh doanh chính</b> |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Công ty liên doanh</b> |                                                       |                                          |                                   |
| 1                         | Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel        | D8 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội             | Kinh doanh khách sạn              |
| 2                         | Công ty TNHH Global Toserco                           | Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội          | Kinh doanh khách sạn              |
| <b>Công ty liên kết</b>   |                                                       |                                          |                                   |
| 1                         | Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông | Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội | Kinh doanh khách sạn              |

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty chính thức chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

###### ***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

###### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                        | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016<br/>(Số năm)</b> |
|------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 30                                                        |
| Máy móc, thiết bị      | 5 - 10                                                        |
| Phương tiện vận tải    | 6 - 10                                                        |
| Thiết bị văn phòng     | 3 - 6                                                         |
| Tài sản cố định khác   | 3 - 6                                                         |

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước khác.



Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ trong thời gian 5 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | <b>31/12/2016</b>      | <b>14/3/2016</b>       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Tiền mặt                        | 289.960.288            | 709.479.525            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 161.232.989.178        | 178.473.957.750        |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 34.000.000.000         | 277.800.000.000        |
|                                 | <b>195.522.949.466</b> | <b>456.983.437.275</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

## **6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

### **a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                                | <b>31/12/2016</b> |                       | <b>14/03/2016</b> |                       |
|--------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
|                                | <b>Giá gốc</b>    | <b>Giá trị ghi sổ</b> | <b>Giá gốc</b>    | <b>Giá trị ghi sổ</b> |
|                                | <b>VND</b>        | <b>VND</b>            | <b>VND</b>        | <b>VND</b>            |
| a1) Ngắn hạn                   |                   |                       |                   |                       |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>  | 341.300.000.000   | 341.300.000.000       | 17.000.000.000    | 17.000.000.000        |
| a2) Dài hạn                    |                   |                       |                   |                       |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn (**)</i> | 3.000.000.000     | 3.000.000.000         | -                 | -                     |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,6%/năm.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc 18 tháng tại Ngân hàng Quốc tế Việt Nam với lãi suất 6,9%/năm.



**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|                                                       | 31/12/2016             |          | 14/3/2016              |          |
|-------------------------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                                       | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
|                                                       | VND                    | VND      | VND                    | VND      |
| <b>b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>    |                        |          |                        |          |
| Công ty TNHH Global Toserco                           | 209.672.714.716        | -        | 209.672.714.716        | -        |
| Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel        | 61.365.277.633         | -        | 61.365.277.633         | -        |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông | 14.736.112.518         | -        | 14.736.112.518         | -        |
| <b>b2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>             |                        |          |                        |          |
| Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi                     | 1.872.600.730          | -        | 1.872.600.730          | -        |
|                                                       | <b>287.646.705.597</b> | <b>-</b> | <b>287.646.705.597</b> | <b>-</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội và sau đó, các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán và Công ty cũng chưa thu thập được các thông tin đáng tin cậy khác để xác định giá trị hợp lý, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và các công ty nhận đầu tư khác của Công ty như sau:

| Tên công ty nhận đầu tư                               | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ góp vốn | Hoạt động chính      |
|-------------------------------------------------------|----------------------------|------------------|---------------|----------------------|
| Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel        | Việt Nam                   | 50,00%           | 29,58%        | Kinh doanh khách sạn |
| Công ty TNHH Global Toserco                           | Việt Nam                   | 35,00%           | 35,00%        | Kinh doanh khách sạn |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông | Việt Nam                   | 40,00%           | 40,00%        | Kinh doanh khách sạn |
| Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi                     | Việt Nam                   | 5,20%            | 5,20%         | Kinh doanh vận tải   |

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                                        | <b>31/12/2016</b>     | <b>14/3/2016</b>      |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                        | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Công ty TNHH Yamaha Việt Nam                           | 1.489.931.103         | 1.914.352.173         |
| Công ty TNHH Ericsson Việt Nam                         | 5.947.750.600         | 5.910.507.775         |
| Sở ngoại vụ TP. Hà Nội                                 | 1.816.636.800         | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Song Linh | 2.822.904.900         | 590.529.090           |
| Các khoản phải thu khách hàng khác                     | 5.180.513.514         | 7.536.883.833         |
|                                                        | <b>17.257.736.917</b> | <b>15.952.272.871</b> |

**8. PHẢI THU KHÁC**

|                                                                                | <b>31/12/2016</b>     | <b>14/3/2016</b>      |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                                | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                                             |                       |                       |
| Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel | 16.275.182.943        | 66.275.182.943        |
| Tạm ứng cho nhân viên                                                          | 853.468.031           | 4.652.786.997         |
| Phải thu về lãi tiền gửi                                                       | 3.989.252.302         | 1.671.552.501         |
| Phải thu về cổ phần hóa (i)                                                    | 762.458.599           | 762.458.599           |
| Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn                                              | 762.557.250           | 203.228.000           |
| Phải thu ngắn hạn khác                                                         | 31.483.999            | 250.237.800           |
|                                                                                | <b>22.674.403.124</b> | <b>73.815.446.840</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                                                              |                       |                       |
| Đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn                                               | -                     | 803.427.618           |
|                                                                                | -                     | <b>803.427.618</b>    |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư phải thu về cổ phần hóa phản ánh khoản chi phí của Công ty để thực hiện cổ phần hóa đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt theo Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 về việc phê duyệt chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                 |  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>văn phòng | Tài sản<br>cố định khác | Tổng             |
|---------------------------------|--|---------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|
|                                 |  | VND                       | VND                  | VND                    | VND                   | VND                     | VND              |
| NGUYÊN GIÁ                      |  |                           |                      |                        |                       |                         |                  |
| Tại ngày 15/3/2016              |  | 80.730.795.895            | 17.096.963.577       | 2.000.159.364          | 73.900.520            | 61.818.182              | 99.963.637.538   |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư |  | (72.837.123.679)          | -                    | -                      | -                     | -                       | (72.837.123.679) |
| Thanh lý, nhượng bán            |  | -                         | -                    | -                      | -                     | (61.818.182)            | (61.818.182)     |
| Tại ngày 31/12/2016             |  | 7.893.672.216             | 17.096.963.577       | 2.000.159.364          | 73.900.520            | -                       | 27.064.695.677   |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ          |  |                           |                      |                        |                       |                         |                  |
| Tại ngày 15/3/2016              |  | 16.854.445.424            | 10.273.001.286       | 1.386.377.889          | 52.026.881            | 61.818.182              | 28.627.669.662   |
| Khấu hao trong kỳ               |  | 2.618.502.154             | 1.549.276.169        | 161.970.117            | 8.654.796             | -                       | 4.338.403.236    |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư |  | (17.758.840.984)          | -                    | -                      | -                     | -                       | (17.758.840.984) |
| Thanh lý, nhượng bán            |  | -                         | -                    | -                      | -                     | (61.818.182)            | (61.818.182)     |
| Tại ngày 31/12/2016             |  | 1.714.106.594             | 11.822.277.455       | 1.548.348.006          | 60.681.677            | -                       | 15.145.413.732   |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                 |  |                           |                      |                        |                       |                         |                  |
| Tại ngày 14/3/2016              |  | 63.876.350.471            | 6.823.962.291        | 613.781.475            | 21.873.639            | -                       | 71.335.967.876   |
| Tại ngày 31/12/2016             |  | 6.179.565.622             | 5.274.686.122        | 451.811.358            | 13.218.843            | -                       | 11.919.281.945   |

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nguyên giá và khấu hao lũy kế của bất động sản đầu tư được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình tương ứng với diện tích cho thuê của các tòa nhà, văn phòng cho thuê thuộc sở hữu của Công ty tại thành phố Hà Nội.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                                      | <b>31/12/2016</b>     | <b>14/3/2016</b>      |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Lợi thế kinh doanh (i)               | 35.162.279.888        | 41.776.966.204        |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 138.048.229           | 1.472.960.487         |
|                                      | <b>35.300.328.117</b> | <b>43.249.926.691</b> |

(i) Lợi thế kinh doanh của Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 5 năm khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong kỳ là 6.614.686.316 VND.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                  | <b>31/12/2016</b>    |                              | <b>14/3/2016</b>     |                              |
|----------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|
|                                  | <b>Giá gốc</b>       | <b>Số có khả năng trả nợ</b> | <b>Giá gốc</b>       | <b>Số có khả năng trả nợ</b> |
|                                  | <b>VND</b>           | <b>VND</b>                   | <b>VND</b>           | <b>VND</b>                   |
| Tổng Công ty Hàng không Việt Nam | 2.130.560.335        | 2.130.560.335                | 2.946.566.643        | 2.946.566.643                |
| Phải trả các đối tượng khác      | 86.024.559           | 86.024.559                   | 53.238.644           | 53.238.644                   |
|                                  | <b>2.216.584.894</b> | <b>2.216.584.894</b>         | <b>2.999.805.287</b> | <b>2.999.805.287</b>         |

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                             | <b>14/3/2016</b>     | <b>Số phải nộp trong kỳ</b> | <b>Số đã thực nộp trong kỳ</b> | <b>31/12/2016</b>    |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------------|
|                             | <b>VND</b>           | <b>VND</b>                  | <b>VND</b>                     | <b>VND</b>           |
| Thuế giá trị gia tăng       | 206.069.462          | 3.071.946.966               | 3.115.998.249                  | 162.018.179          |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 36.478.794           | 321.907.539                 | 180.556.958                    | 177.829.375          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | (1.087.672.053)      | 3.197.242.551               | 1.205.711.182                  | 903.859.316          |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 720.375.000          | 3.753.010.993               | 4.473.385.993                  | -                    |
|                             | <b>(124.748.797)</b> | <b>10.344.108.049</b>       | <b>8.975.652.382</b>           | <b>1.243.706.870</b> |

Trong đó:

|                                          |               |               |
|------------------------------------------|---------------|---------------|
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 1.087.672.053 | -             |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      | 962.923.256   | 1.243.706.870 |

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                          | <b>31/12/2016</b>     | <b>14/3/2016</b>      |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                          | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư (i) | 18.805.975.243        | 18.805.975.243        |
| Chi phí phải trả về các hợp đồng du lịch | 315.823.602           | 2.951.952.548         |
| Chi phí sửa chữa văn phòng phải trả      | -                     | 704.591.249           |
| Tiền thuê đất, thuê nhà phải trả         | -                     | 468.309.790           |
| Chi phí phải trả khác                    | 412.999.545           | 585.448.985           |
|                                          | <b>19.534.798.390</b> | <b>23.516.277.815</b> |

(i) Công ty ghi nhận tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh tiền cho thuê văn phòng mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                   | <b>31/12/2016</b><br><b>VND</b> | <b>14/3/2016</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| Phải trả về cổ phần hóa (i)                       | 62.792.637.479                  | 62.792.637.479                 |
| Phải trả tiền bán cổ phần (ii)                    | 62.104.989.627                  | 62.058.228.223                 |
| Phải trả lợi nhuận về Tổng Công ty Du lịch Hà Nội | 39.675.258.755                  | 47.501.525.576                 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                     | 9.078.087.823                   | 8.843.366.885                  |
| Phải trả ngắn hạn khác                            | 152.688.658                     | 458.343.086                    |
|                                                   | <b>173.803.662.342</b>          | <b>181.654.101.249</b>         |

(i) Phản ánh kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Sau khi Công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa là 748.000.000.000 VND, phần giá trị còn lại được kết chuyển thành một khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

|                                                     | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Chênh lệch đánh<br>giá lại tài sản | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng                   |
|-----------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
|                                                     | VND                       | VND                                | VND                      | VND                                  | VND                    |
| <b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>                    | <b>440.549.917.937</b>    | -                                  | <b>184.631.671.693</b>   | -                                    | <b>625.181.589.630</b> |
| Lợi nhuận trong kỳ                                  | -                         | -                                  | -                        | 58.146.426.007                       | 58.146.426.007         |
| Thay đổi theo Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp | (58.185.974)              | 168.225.306.021                    | -                        | -                                    | 168.167.120.047        |
| Tạm trích quỹ đầu tư phát triển                     | -                         | -                                  | 17.443.927.802           | (17.443.927.802)                     | -                      |
| Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | -                         | -                                  | -                        | (769.000.000)                        | (769.000.000)          |
| Trích quỹ thưởng Ban điều hành                      | -                         | -                                  | -                        | (58.239.451)                         | (58.239.451)           |
| Kết chuyển tăng vốn điều lệ                         | 307.508.268.037           | (105.432.668.542)                  | (202.075.599.495)        | -                                    | -                      |
| Kết chuyển phải trả về cổ phần hóa                  | -                         | (62.792.637.479)                   | -                        | -                                    | (62.792.637.479)       |
| Tạm trích lợi nhuận trả về Tổng Công ty             | -                         | -                                  | -                        | (39.875.258.754)                     | (39.875.258.754)       |
| <b>Số dư tại ngày 14/3/2016</b>                     | <b>748.000.000.000</b>    | -                                  | -                        | -                                    | <b>748.000.000.000</b> |
| Lợi nhuận trong kỳ                                  | -                         | -                                  | -                        | 14.265.325.745                       | 14.265.325.745         |
| <b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>                    | <b>748.000.000.000</b>    | -                                  | -                        | <b>14.265.325.745</b>                | <b>762.265.325.745</b> |

**Cổ phiếu**

|                                               | 31/12/2016        | 14/3/2016 |
|-----------------------------------------------|-------------------|-----------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>74.800.000</b> | -         |
| + ) Cổ phiếu phổ thông                        | 74.800.000        | -         |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>74.800.000</b> | -         |
| + ) Cổ phiếu phổ thông                        | 74.800.000        | -         |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 748.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

|                               | <b>Vốn đã góp</b>      |             |                        |             |
|-------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
|                               | <b>31/12/2016</b>      |             | <b>14/3/2016</b>       |             |
|                               | <b>VND</b>             |             | <b>VND</b>             |             |
| Tổng Công ty Du lịch Hà Nội   | 338.030.000.000        | 45,2%       | 748.000.000.000        | 100%        |
| Công ty Cổ phần phát triển TN | 200.000.000.000        | 26,7%       | -                      |             |
| Các cổ đông khác              | 209.970.000.000        | 28,1%       | -                      |             |
|                               | <b>748.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>748.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| <b>Ngoại tệ các loại</b> | <b>Đơn vị</b> | <b>31/12/2016</b> | <b>14/3/2016</b> |
|--------------------------|---------------|-------------------|------------------|
| Đô la Mỹ                 | USD           | 3.889.832,54      | 3.965.309,94     |
| Euro                     | EUR           | 310,94            | 320,04           |

**19. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                 | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|---------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                 | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Doanh thu cho thuê văn phòng    | 35.507.878.787                                   | 10.227.078.661                                   |
| Doanh thu vận hành tour du lịch | 85.688.906.073                                   | 10.190.001.217                                   |
| Doanh thu từ đại lý vé máy bay  | 21.633.370.228                                   | 3.622.655.529                                    |
|                                 | <b>142.830.155.088</b>                           | <b>24.039.735.407</b>                            |

**20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                               | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|-------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                               | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Giá vốn cho thuê văn phòng    | 14.649.535.888                                   | 800.015.930                                      |
| Giá vốn vận hành tour du lịch | 81.760.718.635                                   | 9.554.230.916                                    |
| Giá vốn từ đại lý vé máy bay  | 19.281.448.926                                   | 3.144.749.728                                    |
|                               | <b>115.691.703.449</b>                           | <b>13.498.996.574</b>                            |

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|----------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                  | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.325.084.259                                    | 227.728.585                                      |
| Chi phí nhân công                | 14.621.572.571                                   | 3.541.915.605                                    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.338.403.236                                    | 536.222.645                                      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 116.041.414.174                                  | 15.617.310.166                                   |
| Chi phí bằng tiền khác           | 6.887.046.294                                    | 519.548.825                                      |
|                                  | <b>143.213.520.534</b>                           | <b>20.442.725.826</b>                            |

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                                | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                                | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay                      | 15.642.712.764                                   | 2.476.516.356                                    |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                    | -                                                | 66.548.867.154                                   |
| Lãi do định giá lại các khoản đầu tư tài chính | -                                                | 3.492.774.808                                    |
| Lãi chênh lệch tỷ giá                          | 1.808.647.440                                    | 68.429.900                                       |
|                                                | <b>17.451.360.204</b>                            | <b>72.586.588.218</b>                            |

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                                       | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                                       | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Lãi trả cho các nhà đầu tư<br>(xem Thuyết minh số 14) | -                                                | 18.805.975.243                                   |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                                  | 585.211                                          | 750.811.743                                      |
|                                                       | <b>585.211</b>                                   | <b>19.556.786.986</b>                            |

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                     | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                     | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| <b>Chi phí bán hàng</b>             |                                                  |                                                  |
| Chi phí nhân công                   | 11.431.016.546                                   | 3.188.130.926                                    |
| Chi phí khấu hao                    | 415.761.633                                      | 533.578.091                                      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 3.648.114.503                                    | 2.380.951.781                                    |
| Chi phí bằng tiền khác              | 186.082.877                                      | -                                                |
|                                     | <b>15.680.975.559</b>                            | <b>6.102.660.798</b>                             |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> |                                                  |                                                  |
| Chi phí nhân công                   | 3.270.296.298                                    | 756.915.565                                      |
| Chi phí mua ngoài                   | 8.570.545.228                                    | 84.152.889                                       |
|                                     | <b>11.840.841.526</b>                            | <b>841.068.454</b>                               |

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

|                                                                                   | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                                                                   | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                                      | 17.462.568.296                                   | 56.582.919.893                                   |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ                                       | 295.886.892                                      | 172.747.920                                      |
| - Chi phí không hợp lý, hợp lệ                                                    | 295.886.892                                      | 172.747.920                                      |
| Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế                                           | (1.772.242.435)                                  | (66.548.867.154)                                 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                     | -                                                | (66.548.867.154)                                 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại                                              | (1.772.242.435)                                  | -                                                |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                                         | <b>15.986.212.753</b>                            | <b>(9.793.199.341)</b>                           |
| Thuế suất thông thường                                                            | 20%                                              | 20%                                              |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                               | <b>3.197.242.551</b>                             | <b>-</b>                                         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Kết luận của Thanh tra Thuế (*)           | -                                                | 591.009.840                                      |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty (**) | -                                                | (2.154.515.954)                                  |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                          | <b>3.197.242.551</b>                             | <b>(1.563.506.114)</b>                           |

(\*) Phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 (kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty dưới hình thức Công ty TNHH MTV), theo Kết luận Thanh tra thuế số 3087/KL-CT-TTr1 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

(\*\*) Phản ánh chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo báo cáo thuế Công ty đã gửi Thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hà Nội.

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                               | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>               | <b>14.265.325.745</b>                            | <b>58.146.426.007</b>                            |
| Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi                                | -                                                | (769.000.000)                                    |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)              | 14.265.325.745                                   | 57.377.426.007                                   |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu) | 74.800.000                                       | -                                                |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>                         | <b>191</b>                                       | <b>-</b>                                         |

Công ty quyết định trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo đánh giá của Công ty, việc trình bày thêm chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính của Công ty sẽ giúp người đọc báo cáo tài chính có thông tin đầy đủ hơn về hiệu quả hoạt động của Công ty.



**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

|                            | <b>Từ ngày 15/3/2016<br/>đến ngày 31/12/2016</b> | <b>Từ ngày 01/01/2016<br/>đến ngày 14/3/2016</b> |
|----------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                            | <b>VND</b>                                       | <b>VND</b>                                       |
| Thu nhập của Ban Điều hành | 1.875.349.171                                    | 465.915.605                                      |

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 14 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Dịch vụ Hà Nội (đơn vị được cổ phần hóa), trong đó, một số số liệu được điều chỉnh theo Kết luận của Thanh tra thuế của Cục Thuế Hà Nội như trình bày dưới đây. Các số liệu này được trình bày cho mục đích cung cấp thêm thông tin bổ sung, chỉ mang tính chất tham khảo và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh một số số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 theo Kết luận Thanh tra thuế số 3087/KL-CT-TTr1 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Cục thuế Hà Nội, cho mục đích xác định nghĩa vụ đối với Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh như sau:

|                                                                                                                        | <b>Số đã báo cáo<br/>VND</b> | <b>Số điều chỉnh<br/>VND</b> | <b>Số sau<br/>điều chỉnh<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|
| <b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 14 tháng 3 năm 2016</b>                                                               |                              |                              |                                      |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                                                                                    | 1.087.223.304                | (1.087.223.304)              | -                                    |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước                                                                                    | -                            | 1.087.672.053                | 1.087.672.053                        |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                                                                    | 2.525.980.621                | (1.563.057.365)              | 962.923.256                          |
| Phải trả ngắn hạn khác                                                                                                 | 180.090.595.135              | 1.563.506.114                | 181.654.101.249                      |
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016</b> |                              |                              |                                      |
| Chi phí khác                                                                                                           | -                            | 126.720.920                  | 126.720.920                          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                           | -                            | (1.563.506.114)              | (1.563.506.114)                      |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                               | 56.709.640.813               | 1.436.785.194                | 58.146.426.007                       |

  
**Trương Thị Phương**  
 Người lập biểu

  
**Vũ Thị Bình**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Thị Phương Mai**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017